

Số: **59** /KH-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác giao Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 về cập nhật, hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của cấp Thành phố; số 22/NQ-HĐND Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2019; số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2020 và số 28/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của thành phố Hà Nội năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của Thành phố; Chương trình hành động số 07/CTr-UBND ngày 09/01/2020 của UBND Thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác giao kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI KIỂM TRA

1. Mục đích yêu cầu

- Việc tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Kiểm tra công tác giao Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách của các quận, huyện, thị xã nhằm đánh giá tình hình triển khai các Nghị quyết của HĐND Thành phố, Quyết định của UBND Thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 của thành phố Hà Nội.

- Nhằm phát hiện những bất cập trong quá trình xây dựng và giao kế hoạch; giải quyết, xử lý kịp thời những đề nghị của các cấp, đơn vị đảm bảo tuân thủ các quy định, trình tự, thủ tục trong công tác xây dựng và giao kế hoạch, quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách.

- Đề xuất, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Phạm vi kiểm tra

- Kiểm tra công tác giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2020 của các đơn vị cấp huyện: Giao các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2020, gồm: Nguồn vốn phân cấp, các nguồn vốn khác được quản lý, sử dụng như vốn ngân sách và vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ (có mục tiêu, số số kiến thiết, ...) của các quận, huyện và thị xã.

- Kiểm tra việc phân bổ kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đầu tư XDCB.

- Cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 thuộc cấp huyện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra quy trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ giao dự toán thu, chi ngân sách và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2020 của các quận, huyện, thị xã.

2. Kiểm tra thời gian giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ giao dự toán thu, chi ngân sách của quận, huyện, thị xã, đảm bảo tuân thủ quy định của Luật ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của UBND Thành phố tại Văn bản số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012 về việc chỉ đạo nội dung, quy trình xây dựng và giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kiểm tra nội dung công tác giao kế hoạch:

3.1. Kiểm tra số lượng, chất lượng và nội dung văn bản tham mưu báo cáo trình HĐND quận, huyện, thị xã về công tác xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và Văn bản số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012 của UBND Thành phố.

3.2. Công tác giao các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội:

- Các chỉ tiêu Thành phố giao cho cấp huyện: Kiểm tra việc xây dựng và giao chỉ tiêu (số lượng, chất lượng) của cấp huyện, cấp xã theo hướng dẫn của Thành phố tại Văn bản số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chung của Thành phố, gắn chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội với nhiệm vụ thu, chi ngân sách cấp huyện và các chỉ tiêu nhiệm kỳ 05 năm 2016 - 2020 đã được HĐND cấp huyện thông qua; chỉ rõ đơn vị tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhằm đảm bảo tất cả các chỉ tiêu đều được triển khai thực hiện.

- Các chỉ tiêu cấp huyện giao thêm (ngoài chỉ tiêu Thành phố giao): đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tính khả thi trong quá trình thực hiện hoàn thành trong năm 2020.

4. Kiểm tra công tác phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020:

4.1. Về dự toán chi đầu tư phát triển:

a) Xác định cụ thể nguồn vốn đầu tư (theo phân cấp) gồm: vốn XDCB tập trung; nguồn thu tiền sử dụng đất; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố,

nguồn vốn xổ số kiến thiết Thủ đô và các nguồn khác (tăng thu, kết dư, chuyên nguồn năm trước; các nguồn vốn hợp pháp khác).

b) Phân bổ kế hoạch vốn chi tiết từng nguồn cho các dự án đầu tư XDCB: Kiểm tra việc phân bổ các dự án đầu tư (sử dụng vốn ngân sách của quận, huyện, thị xã theo phân cấp, nguồn vốn hỗ trợ của Thành phố) phải đảm bảo theo đúng Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và tuân thủ điểm b mục 2.2.1 Điều 2 Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND Thành phố Kế hoạch đầu tư công năm 2020 của UBND Thành phố.

c) Kiểm tra việc bố trí kinh phí hoàn trả vốn đã ứng từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố (đối với các đơn vị vay từ Quỹ) cho các dự án GPMB và xây dựng hạ tầng đấu giá QSD đất theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019.

d) Kiểm tra công tác giao kế hoạch vốn cho các dự án được ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả, tiết kiệm.

e) Kiểm tra việc phân bổ vốn phân cấp giao cho cấp xã.

4.2. Kiểm tra việc bố trí vốn xử lý nợ xây dựng cơ bản (đối với các đơn vị có nợ XDCB): việc rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ XDCB theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019.

4.3. Kiểm tra việc thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc trách nhiệm của UBND quận, huyện, thị xã theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố.

4.4. Công tác giao dự toán thu, chi ngân sách:

a) Kiểm tra nội dung phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2020 đảm bảo đầy đủ các văn bản (Nghị quyết, Quyết định); kèm theo các biểu mẫu theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

- Kiểm tra việc bố trí dự toán năm 2020 một số lĩnh vực theo định hướng của Thành phố gồm: dự phòng ngân sách; dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương; 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người) để thực hiện cải cách tiền lương; chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo; sự nghiệp môi trường ...

b) Giao chỉ tiêu tổng thu NSNN trên địa bàn; thu ngân sách quận, huyện, thị xã (bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn); tổng chi ngân sách quận, huyện, xã, phường đảm bảo số liệu tổng hợp khớp đúng với số liệu chi tiết các đơn vị dự toán trực thuộc và cấp xã.

5. Kiểm tra việc thực hiện gói thầu mua sắm tập trung công tác duy trì vệ sinh môi trường và các hạng mục ngoài gói thầu mua sắm tập trung công tác duy trì vệ sinh môi trường; Kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2019 và giao chỉ tiêu thu năm 2020 trên địa bàn quận, huyện, thị xã.

6. Việc bố trí nguồn kinh phí phục vụ công tác mua sắm tài sản tập trung theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ:

a) UBND các quận, huyện và thị xã báo cáo *theo đề cương đính kèm* và gửi các hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra về các sở: Kế hoạch & Đầu tư và Tài chính **chậm nhất ngày 20/3/2020** phục vụ công tác kiểm tra.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trên cơ sở báo cáo của các quận, huyện, thị xã (theo Đề cương đính kèm Kế hoạch này) và tài liệu giao kế hoạch của các đơn vị, tổ chức kiểm tra việc giao kế hoạch của các quận, huyện, thị xã. Đối với các đơn vị báo cáo chưa đảm bảo theo yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính có văn bản thông báo đơn vị bổ sung báo cáo hoặc tổ chức kiểm tra trực tiếp với đơn vị.

2. Tiến độ thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố kết quả **trước ngày 31/3/2020**.

UBND Thành phố yêu cầu UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo chất lượng, tiến độ./.

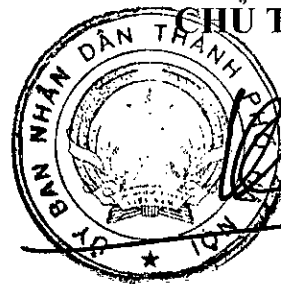
Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ban KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT

16-KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA CÔNG TÁC GIAO KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số **59** /KH-UBND ngày **13/3**/2020 của UBND Thành phố)

Phần 1. Công tác xây dựng kế hoạch năm 2020 của cấp huyện: Báo cáo quy trình xây dựng theo chỉ đạo tại Văn bản số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012 và các văn bản (Chỉ thị, văn bản hướng dẫn,..) của UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã đã triển khai các nội dung: *Báo cáo các bước triển khai của quận, huyện, thị xã.*

Phần 2. Báo cáo nội dung công tác giao kế hoạch theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Văn bản số 8359/UBND-KH&ĐT ngày 19/10/2012 và Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND Thành phố:

I. Thời gian giao:

II. Kế hoạch giao:

1. Giao chỉ tiêu:

a) Số lượng chỉ tiêu:

- Số chỉ tiêu tăng hoặc giảm số chỉ tiêu so với Thành phố (chi tiết số chỉ tiêu tăng thêm hoặc chỉ tiêu không giao), lý do?

- Báo cáo làm rõ cơ sở pháp lý, khả năng thực hiện các chỉ tiêu giao thêm.

b) Chất lượng chỉ tiêu:

- Số chỉ tiêu giao kế hoạch cao hơn Thành phố giao, lý do? (chi tiết tên chỉ tiêu).

- Số chỉ tiêu giao kế hoạch thấp hơn Thành phố giao, lý do? (chi tiết tên chỉ tiêu).

- Báo cáo các giải pháp thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu giao kế hoạch cao hơn Thành phố giao.

c) Báo cáo việc đã (hoặc chưa) triển khai giao cho đơn vị tổ chức thực hiện chỉ tiêu: Phòng, ban,...; xã, phường,...

(tổng hợp báo cáo theo Phụ lục số 01 gửi kèm Đề cương)

2. Giao dự toán thu, chi ngân sách:

- Thu ngân sách: Thành phố giao; quận, huyện, thị xã giao; giao cao hoặc thấp hơn so với Thành phố giao; giao cao hoặc thấp từ khoản thu nào (ghi rõ tên chỉ tiêu giao cao hơn, thấp hơn); cơ sở việc giao cao hoặc thấp hơn; báo cáo giải pháp đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu giao cao hơn.

Trong đó: đối với thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất, báo cáo về diện tích (ha) các quỹ đất đã và sẽ hoàn thành GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá trong năm 2020.

- Chi ngân sách: Thành phố giao; quận, huyện, thị xã giao; giao cao hoặc thấp hơn so với Thành phố giao; giao cao hay thấp hơn từ nguồn nào? (ghi rõ tên chỉ tiêu giao cao, thấp hơn), lý do?

(tổng hợp báo cáo theo Phụ lục số 02 gửi kèm Đề cương)

3. Phân bổ chi tiết chi đầu tư XDCB:

- Báo cáo việc tuân thủ *các nguyên tắc tại điểm b mục 2.2.1, Điều 2 quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND Thành phố.*

- Báo cáo việc rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ XDCB; đối với các huyện còn nợ XDCB báo cáo số nợ XDCB, số dự án, phương án cân đối bố trí để trả nợ, *(tổng hợp báo cáo theo Phụ lục số 04 gửi kèm đề cương).*

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ cho Chương trình nông thôn mới, bố trí đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ thực hiện kiên cố hóa giao thông, thủy lợi nội đồng theo Quyết định số 16/QĐ-UBND và Văn bản số 4932/UBND-NNNT ngày 17/7/2015 của UBND Thành phố.

- Số kế hoạch vốn đã ứng từ Quỹ đầu tư phát triển, số kế hoạch vốn cân đối từ ngân sách cấp mình để hoàn trả cho việc ứng vốn đầu tư GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá quyền sử dụng đất.

a) Dự án chuẩn bị đầu tư:

- Số kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết danh mục, cơ chế thực hiện, giải ngân?

- Số kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho các dự án: tổng số vốn, phân bổ cho ? dự án; bao nhiêu dự án đã có quyết định giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự toán công tác chuẩn bị đầu tư của cấp của thẩm quyền (theo quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Thực hiện dự án:

- Đối với nguồn vốn phân cấp ngân sách: tổng số vốn, phân bổ cho ? dự án; ? dự án nhóm C chuyển tiếp bố trí quá 3 năm; ? dự án nhóm B bố trí quá 5 năm theo quy định *(đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng)*; ? dự án chuyển tiếp không bố trí kế hoạch 2020, lý do. Đối với dự án mới: ? dự án phân bổ kế hoạch 2020 chưa đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định *(phê duyệt sau 31/10/2019)*.

- Đối với các dự án Thành phố hỗ trợ:

+ Thành phố giao: tổng số kế hoạch vốn, phân bổ cho ? dự án; Huyện giao: tổng số kế hoạch vốn, phân bổ cho ? dự án; việc phân bổ có đúng theo Quyết định giao kế hoạch 2020 của Thành phố hay không, lý do việc đơn vị điều chỉnh kế hoạch Thành phố giao.

+ Báo cáo việc bố trí ngân sách cấp huyện (phần vốn còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách huyện) cho các dự án để đảm bảo dự án hoàn thành theo tiến độ quy định: tổng số kế hoạch vốn, phân bổ cho ? dự án, lý do việc cân đối ngân sách cấp huyện cho các dự án chưa đảm bảo.

- Đối với nguồn vốn Thành phố hỗ trợ Chương trình nông thôn mới: phân bổ cho ? xã (đối với hỗ trợ xã); đối với phân bổ chi tiết cho dự án: tổng số kế hoạch vốn; phân bổ cho ? dự án.

(tổng hợp số liệu theo Phụ lục số 3 gửi kèm Đề cương)

4. Phân bổ chi tiết dự toán chi thường xuyên:

- Tổng dự toán chi thường xuyên, đạt ? % so dự toán Thành phố giao, trong đó:
+ Chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo, đạt ? % so dự toán Thành phố giao, bằng (tăng hoặc giảm) dự toán Thành phố giao.

+ Sự nghiệp môi trường đã phân bổ, đạt ? % so dự toán Thành phố giao. Trong đó: Đấu thầu, đặt hàng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải ?, sự nghiệp chung ?.

+ Số thực hiện 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người) ?, bằng (tăng hoặc giảm) dự toán Thành phố giao.

- Dự phòng ngân sách, đã đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (từ 2-4% tổng chi cân đối ngân sách) chưa? bằng (tăng hoặc giảm) so dự toán Thành phố giao; trong đó: ngân sách cấp huyện ?; ngân sách cấp xã ?.

- Dự kiến dành nguồn thực hiện CCTL năm 2019 (từ 70% tăng thu thực hiện so dự toán giao năm 2019) ?.

Phần 5. Công tác quyết toán vốn đầu tư: Việc thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc trách nhiệm của UBND quận, huyện, thị xã theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố.

Phần 6. Báo cáo công tác duy trì vệ sinh môi trường; Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn quận, huyện, thị xã.

- Báo cáo công tác giao dự toán kinh phí chi sự nghiệp môi trường, trong đó: kinh phí thực hiện gói thầu mua sắm tập trung công tác duy trì vệ sinh môi trường và gói thầu không đấu thầu mua sắm tập trung; các hạng mục ngoài gói thầu mua sắm tập trung công tác duy trì vệ sinh môi trường và chi sự nghiệp môi trường khác.

- Báo cáo việc thực hiện Văn bản số 6113/UBND-KT ngày 30/11/2017 của UBND Thành phố về tạm ứng, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố.

- Báo cáo công tác triển khai thực hiện Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND Thành phố: Kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2019 và giao chỉ tiêu thu năm 2020 trên địa bàn quận, huyện, thị xã. (Các văn bản UBND quận, huyện, thị xã giao đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì VSMT trên địa bàn tổ chức thu giá dịch vụ, giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ; chỉ đạo

đơn vị thu niên yết, hoặc thông báo công khai về mức thu, phương thức thu; công tác quản lý, sử dụng số tiền thu được...)

Phần 7. Việc bố trí nguồn kinh phí phục vụ công tác mua sắm tài sản tập trung theo quy định.

Phần 8: Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị của quận, huyện, thị xã trong công tác giao và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020./.

MẪU BIỂU BÁO CÁO GIAO CHỈ TIÊU KTXH 2020

Quận, huyện, thị xã:.....

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thành phố giao	Quận, Huyện, Thị xã giao	Đơn vị được giao chỉ tiêu		Ghi chú
					Đơn vị tổng hợp báo cáo (Phòng, ban...)	Đơn vị tổ chức thực hiện (xã/phường...)	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Giảm tỷ suất sinh thô so với năm trước	%					
2	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%					
3	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng so với năm trước	%					
4	Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%					
5	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%					
6	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp	%					
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc</i>	%					
	<i>Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp</i>	%					
7	Tốc độ tăng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện	%					
8	Số hộ thoát nghèo trong năm	hộ					
9	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%					
10	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%					
11	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%					
12	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	trường					
13	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%					
	<i>Khu vực đô thị</i>	%					
	<i>Khu vực nông thôn</i>	%					
14	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm	xã					
15	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày	%					
	<i>Khu vực đô thị</i>	%					
	<i>Khu vực nông thôn</i>	%					

MẪU BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THU CHI NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ / ĐẦU MÓI	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020						Thu ngân sách quận, huyện, thị xã			Chi ngân sách nhà nước năm 2020																Chi chú (Giải trình lý do chênh lệch)										
		Thành phố giao		Quận, huyện, thị xã giao		Chênh lệch (Q,H/TP)		Thành phố giao	Quận, huyện, thị xã giao	Chênh lệch (Q,H/TP)	Thành phố giao						Quận, huyện, thị xã giao						Chênh lệch														
		Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	Tổng thu NSNN					Trong đó:						Trong đó:						Tông chí														
						Tông số (tảng-giảm)	Tỷ lệ %				Tiền sử dụng đất	Tỷ lệ %	Tổng chi ngân sách quận/huyện/xã/phường	Chi đầu tư XDCB	Chi thường xuyên	Dự phòng	Dành nguồn thực hiện CCTL	Bổ sung có mục tiêu				Tổng chi ngân sách quận/huyện/xã/phường	Chi đầu tư XDCB	Chi thường xuyên	Dự phòng	Dành nguồn thực hiện CCTL		Bổ sung có mục tiêu									
																		Tông số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư XDCB	Chương trình mục tiêu QG và TP							số kiến thiết	Tông số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư XDCB	Chương trình mục tiêu QG và TP	số kiến thiết				
1	Hoàn Kiếm																																				

MẪU BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2020
 Quận, Huyện, Thị xã:.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Quận, huyện, thị xã	Tổng số																				Trong đó:										Ghi chú						
		Tổng chỉ đầu tư xây dựng cơ bản nguồn phân cấp															Trong đó:																					
		Chi tiết các nguồn															Phân bổ chi tiết cho các dự án																					
		Thành phố giao		Quận/Huyện giao		Thành phố giao		Quận/Huyện giao		Chính lịch		Nguồn vốn XDCB tập trung theo phân cấp		Chỉ đầu tư từ nguồn để lại (theo sơ đồ)		Chi từ nguồn thu phí tăng cường Châu Hương và Chi dành nguồn thực hiện CCTL		Nguồn kết dư hoặc nguồn khác quận/huyện/giao bổ sung		Tổng phân bổ chi tiết nguồn ngân sách		DA CBĐT		Thực hiện dự án					Vốn chưa quyết toán hoặc GPMB	Vốn chưa phân bổ chi tiết hoặc hỗ trợ cấp xã	Vốn đối ứng cho các DA Thành phố hỗ trợ mục tiêu, nâng thôn mới hoặc kinh phí do đặc bản do địa chính, chi khác (hỗ trợ địa phương khác)		Dự phòng kế hoạch	NSTP bổ sung chi đầu tư	Hỗ trợ có mục tiêu, hỗ trợ đặc thù	Số số kiện thiết thi đã	Chương trình mục tiêu Quốc gia và Thành phố	
		Thành phố	Quận/Huyện	Thành phố	Quận/Huyện	Thành phố	Quận/Huyện	Thành phố	Quận/Huyện	Thành phố	Quận/Huyện	Thành phố	Quận/Huyện	Tổng số DA	Tổng số vốn	Số DA	Số vốn	Tổng số DA	Tổng số vốn	Trong đó:			Số DA	Số vốn	Trong đó: DA hoàn thành trong năm	Số DA	Số vốn	Trong đó: DA hoàn thành trong năm									Số DA	Số vốn
Dự án chuyển tiếp		Dự án mới																																				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
	TỔNG SỐ																																					
a	Giao thông																																					
b	Hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước																																					
c	Nông nghiệp (để đầu tư, thủy lợi)																																					
d	Giáo dục đào tạo và dạy nghề																																					
e	Văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tấn, di tích																																					
f	Thể dục thể thao																																					
g	Y tế, dân số và gia đình																																					
h	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (trừ sơ UBND-HUBND)																																					
j	Khoa học công nghệ																																					
k	Quốc phòng																																					
l	An ninh và trật tự an toàn xã hội																																					
m	Lĩnh vực khác																																					

MẪU BIỂU DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NỢ XDCB ĐẾN 31/12/2019 CỦA CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ
Quận, Huyện, Thị xã:.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	TÊN DỰ ÁN	Địa điểm	Số dự án	CHỦ ĐẦU TƯ	QĐ Phê duyệt dự án			Giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu				Kế hoạch vốn bố trú/giải ngân đến hết năm 2019	Số vốn còn thiếu - Nợ XDCB (sau khi đã bổ tri vốn/giải ngân đến hết năm 2019)	Bổ trí kế hoạch vốn năm 2020			Số vốn còn thiếu - Nợ XDCB (sau khi đã bổ trí vốn kế hoạch 2020).			Nguyên nhân nợ của dự án		
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT	Tr đó: Dự phòng	Đã phê duyệt quyết toán		Chưa phê duyệt quyết toán - Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành				Trong đó:			Tổng số	Trong đó: thuộc trách nhiệm				
								Số QĐ, ngày, tháng, năm	Giá trị quyết toán phê duyet	Số Biên bản, ngày, tháng, năm	Giá trị khối lượng thực hiện (xác nhận giữa CĐT và đơn vị thi công).			Tổng số	Thành phố	Huyện		Xã	Tổng số		Thành phố	Huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	<i>Tổng số</i>																					
A	Nợ các dự án ngoài nông thôn mới																					
I	<i>Dự án nợ XDCB đến hết ngày 31/12/2014</i>																					
1	Dự án																					
2	Dự án																					
3																					
II	<i>Dự án nợ XDCB phát sinh sau ngày 31/12/2014</i>																					
1	Dự án																					
2	Dự án																					
3																					
B	Nợ các dự án nông thôn mới																					
I	<i>Dự án nợ XDCB đến hết ngày 31/12/2014</i>																					
1	Dự án																					
2	Dự án																					
3																					
II	<i>Dự án nợ XDCB phát sinh sau ngày 31/12/2014</i>																					
1	Dự án																					
2	Dự án																					
3																					